

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nhật P, sinh năm 1987

Địa chỉ: 7, thôn C, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; có mặt

- Bị đơn: Ông Lê L, sinh năm 1982

Địa chỉ: 7, thôn C, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Nhật P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P xác định, bà với ông Lê L kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà P sống hạnh phúc tại 7, thôn C, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Từ năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L ngoại tình, thường xuyên ghen tuông; bà P nghi ngờ ông L có con riêng với người khác, ông L thường xuyên rượu, bia về nhà đánh đập bà P. Bà P cũng đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không có kết quả. Hiện hai người đã sống ly thân gần ba năm. Nay, bà P xác định

không còn tình cảm thương yêu ông Lĩnh nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông Lê L.

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Nhật P xác định, bà với ông Lê L có 02 con chung là cháu Lê Trần Q, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Đình D, sinh ngày 11/11/2011. Ly hôn, bà Trần Thị Nhật P xin nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu ông Lê L cấp dưỡng nuôi hai con

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Nhật P không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Nhật P xác định bà với ông Lê L không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê L đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ đến làm việc nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông Lĩnh biết và thực hiện quyền nghĩa vụ của mình nhưng vẫn không có mặt nên không có ý kiến, phiên tòa đã được mở nhiều lần, do đó quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được bảo đảm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhật P đối với ông Lê L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Nhật P được ly hôn với ông Lê L.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Trần Q, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Đình D, sinh ngày 11/11/2011 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Nhật P không yêu cầu nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Nhật P xác định bà với ông Lê L không có nợ chung nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng bà Trần Thị Nhật P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Trần Thị Nhật P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Lê L; trú tại: 7, thôn C, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà P là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa bị đơn ông Lê L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Quá trình giải quyết bị đơn có địa chỉ thường trú tại 7, thôn C, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng, nhưng thường xuyên không có mặt tại nơi thường trú, nguyên đơn cung cấp địa chỉ công tác của bị đơn: Số 52 Nam Quốc Cang, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. Tòa án đã xác minh, nhưng kết quả trả lời bị đơn không sinh sống và làm việc tại địa chỉ trên nên Tòa án đã phải đăng thông báo cho bị đơn trên phương tiện thông tin đại chúng là đúng thủ tục tố tụng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê L.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Nhật P và ông Lê L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa P, huyện Hòa Vang vào năm 2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2015 đến nay nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, bà P cũng đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không có kết quả. Hai người đã tự sống ly thân gần ba năm. Hai người không còn hỏi thăm gì nhau. Nay bà P xác định không còn tình cảm thương yêu ông Lĩnh nữa.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân của bà P và ông Lĩnh, thì thấy: Hiện nay, bà P và ông Lĩnh không còn sống chung với nhau, ông Lĩnh ít khi có mặt tại địa phương. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của bà P và ông Lĩnh đã có những rạn nứt, xét mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông Lê L là có căn cứ.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Nhật P đối với ông Lê L.

[2] Về con chung: Bà P xác định, bà với ông Lĩnh có 02 con chung là Lê Trần Q, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Đình D, sinh ngày 11/11/2011. Ly hôn bà P xin nuôi hai con.

Xét nguyện vọng của bà P thì thấy: Cả bà P và ông Lĩnh đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung, cũng như có quyền nuôi con; tuy nhiên hiện nay cả hai cháu đang ở với bà P, ông Lĩnh không thường xuyên có mặt tại địa phương. Tòa án cũng đã lấy ý kiến của hai con trên 07 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với bà P. Để bảo đảm quyền lợi cho các con, thiết nghĩ giao hai con cho bà P nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà P không yêu cầu ông Lĩnh cấp dưỡng hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà P xác định, bà với ông Lĩnh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà P xác định, bà với ông Lĩnh không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Nhật P phải chịu theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bà Trần Thị Nhật P phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 180, Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nhật P đối với ông Lê L về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Nhật P được ly hôn đối với ông Lê L.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Trần Q, sinh ngày 19/5/2009 và Lê Đình D, sinh ngày 11/11/2011 cho bà Trần Thị Nhật P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Nhật P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà P đã nộp tại biên lai thu số 0004085 ngày 11/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà P đã nộp đủ án phí.

6. Lệ phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bà Trần Thị Nhật P phải chịu, đã thu và chi xong.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 07/9/2022. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa P số 73/2008;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh